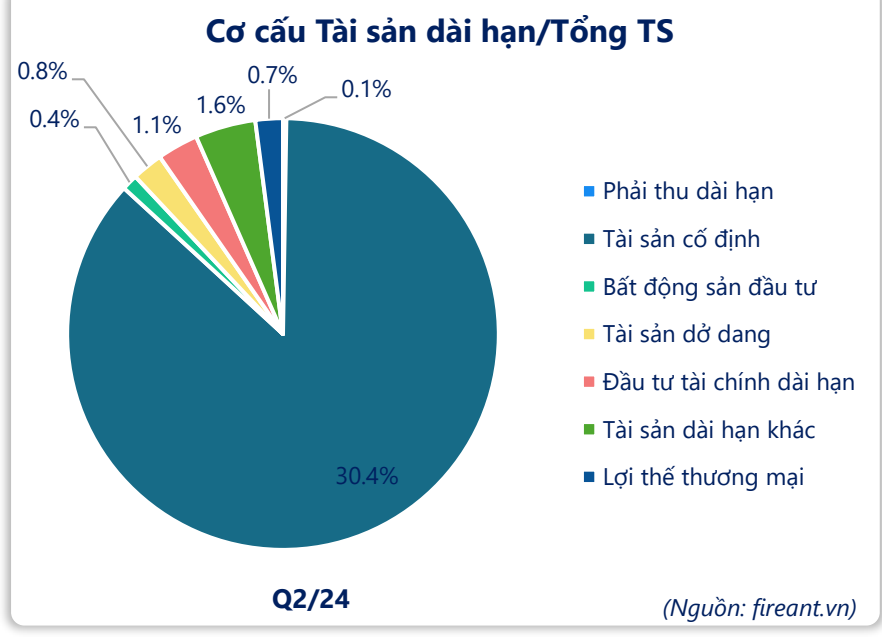
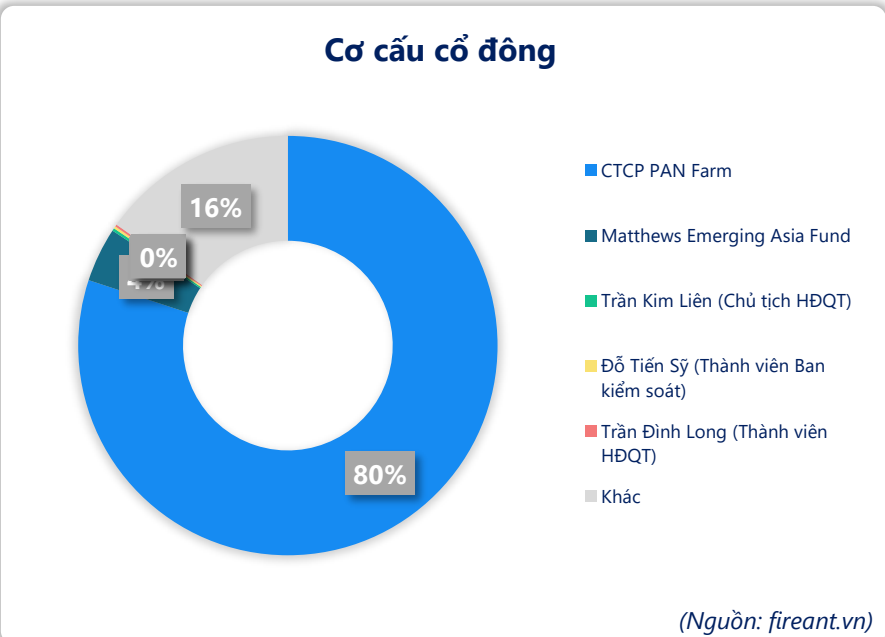
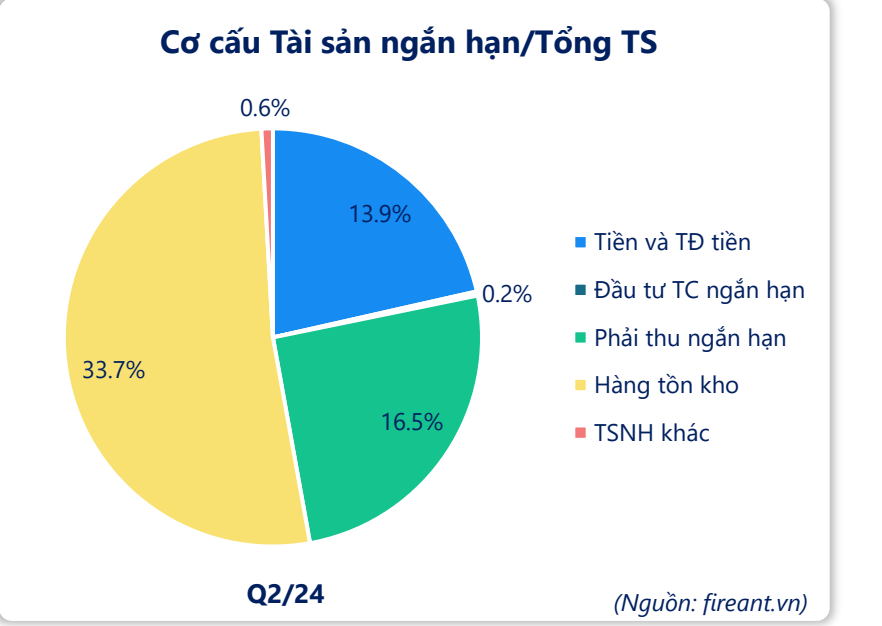
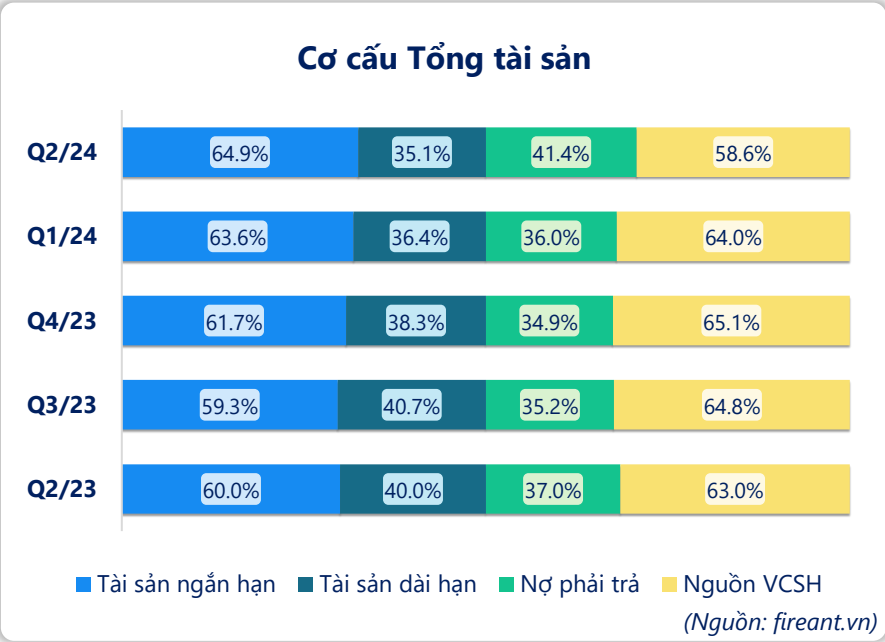
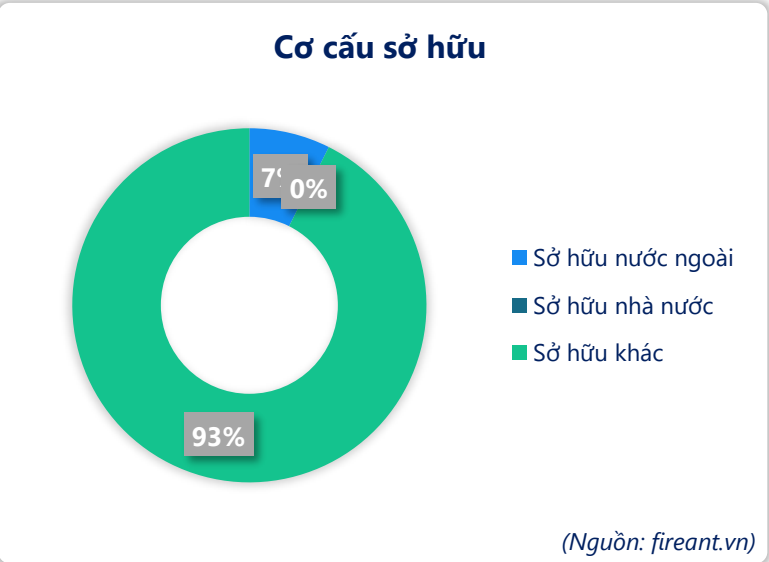
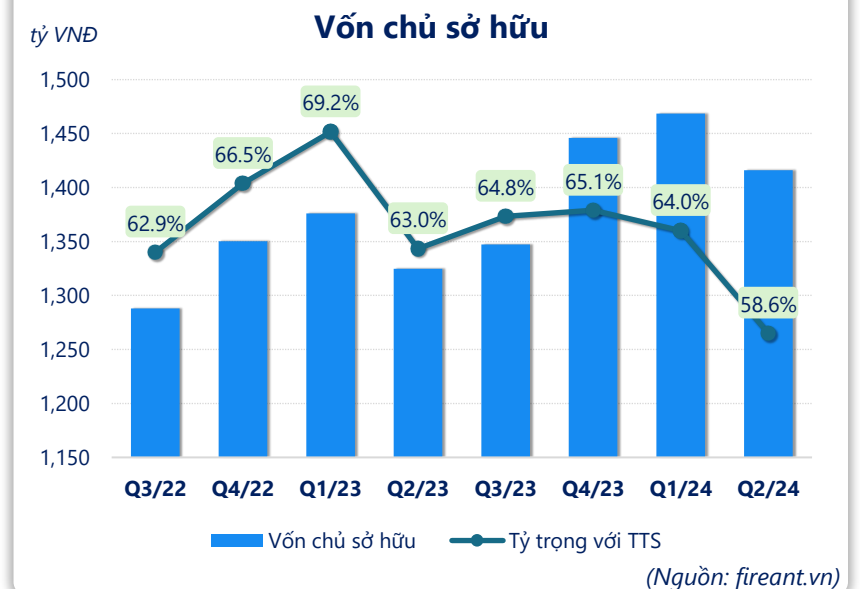
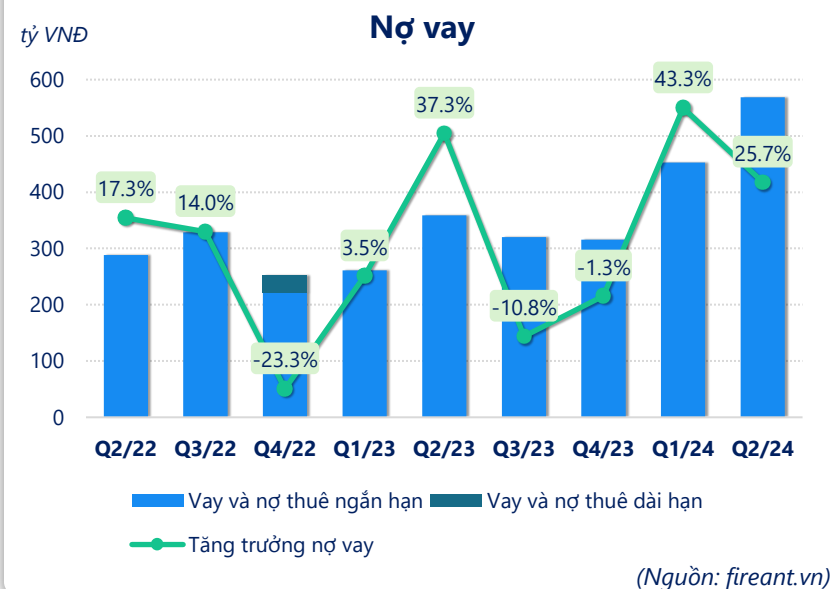
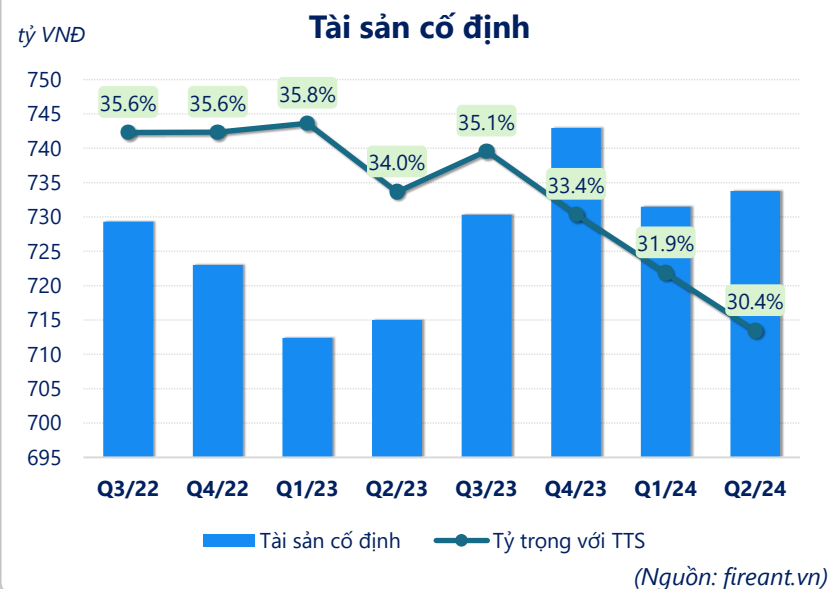
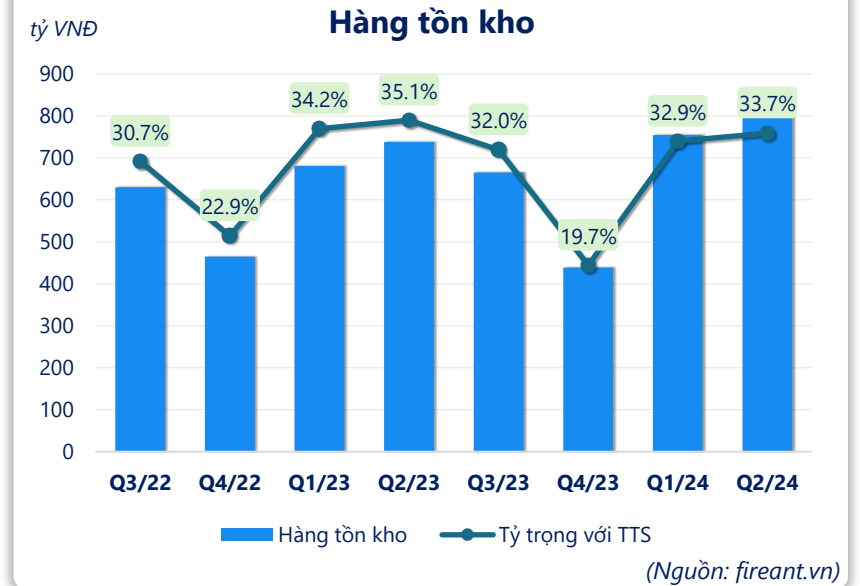
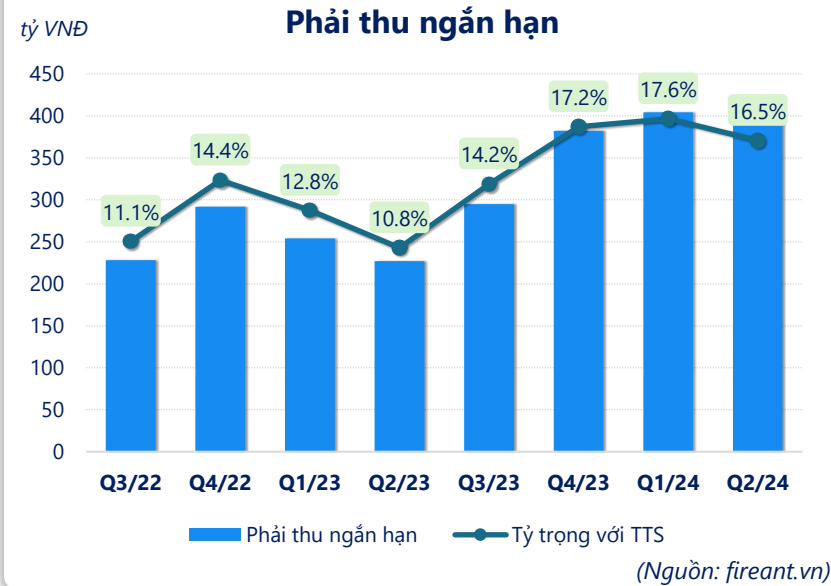
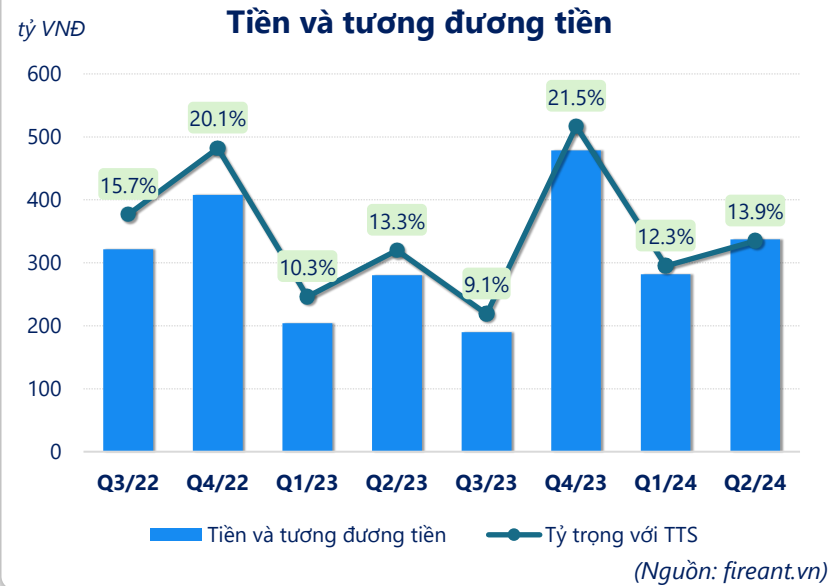
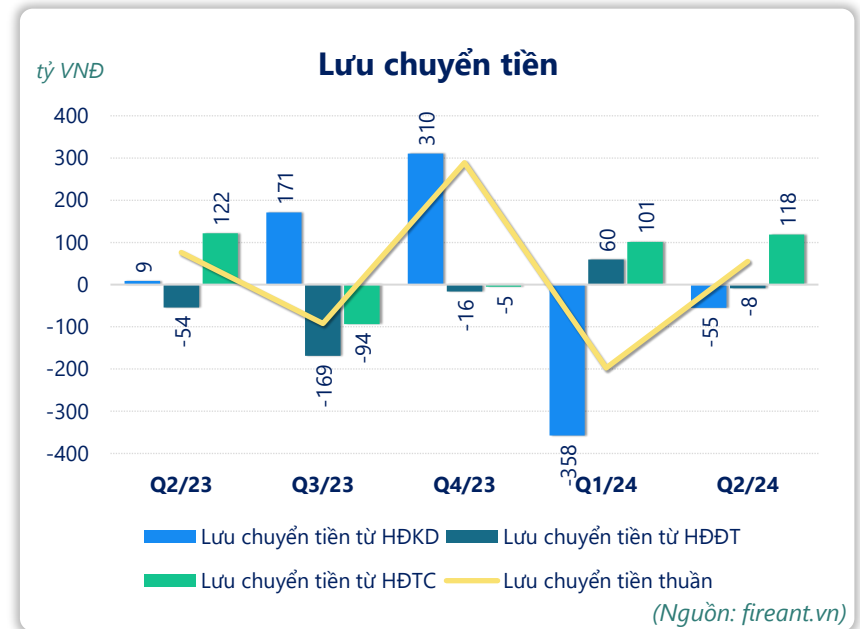
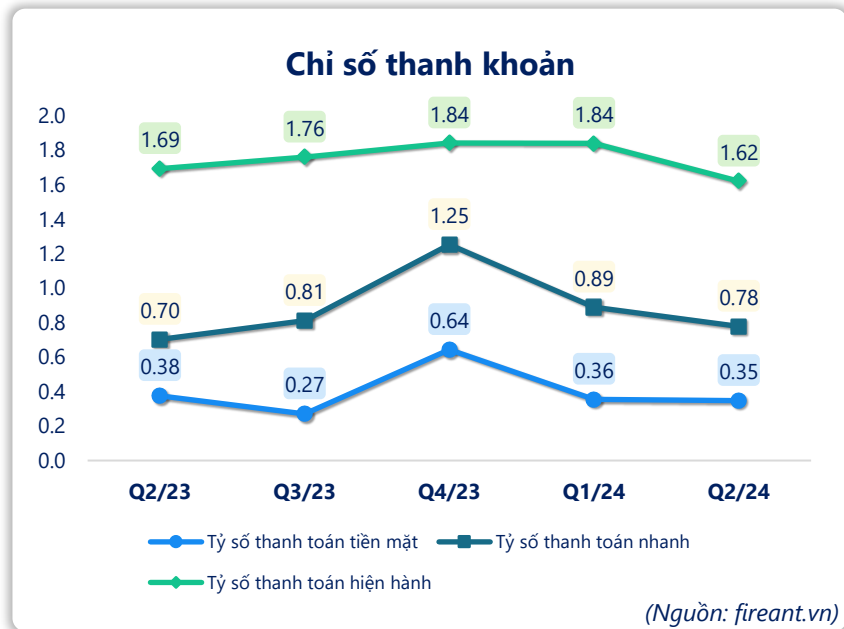
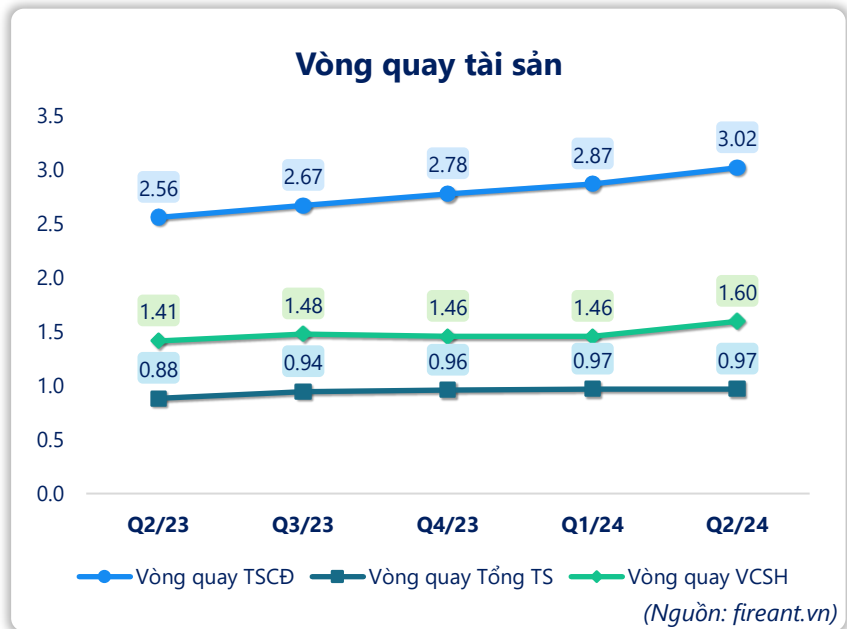
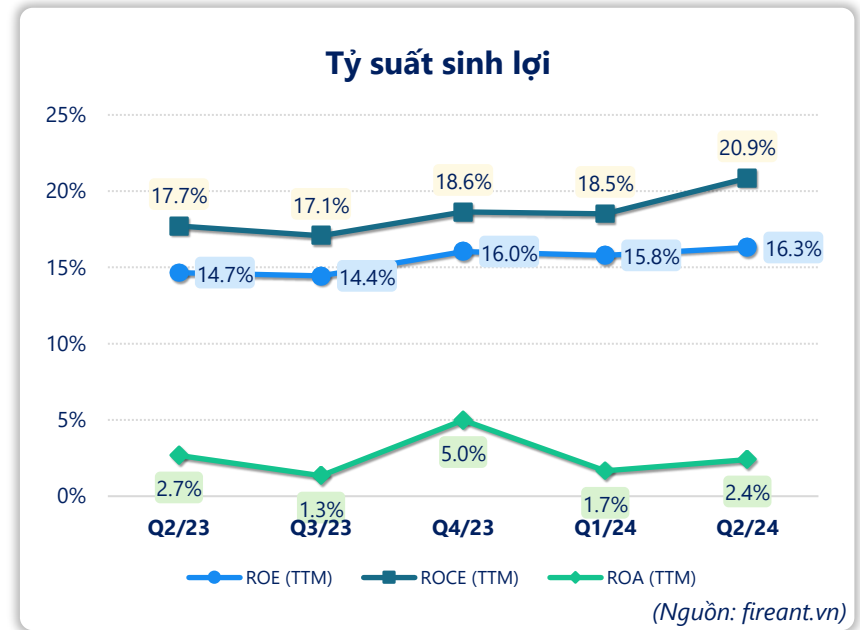
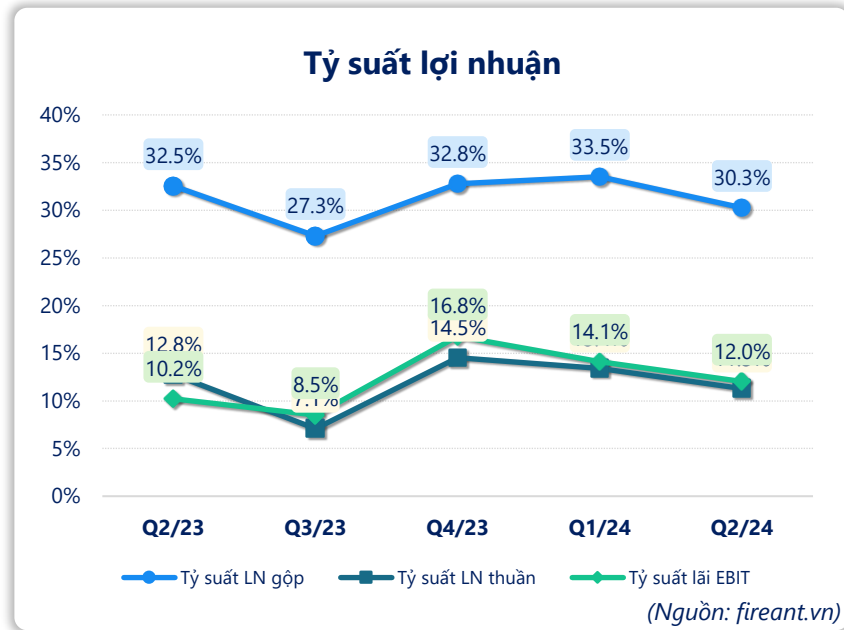
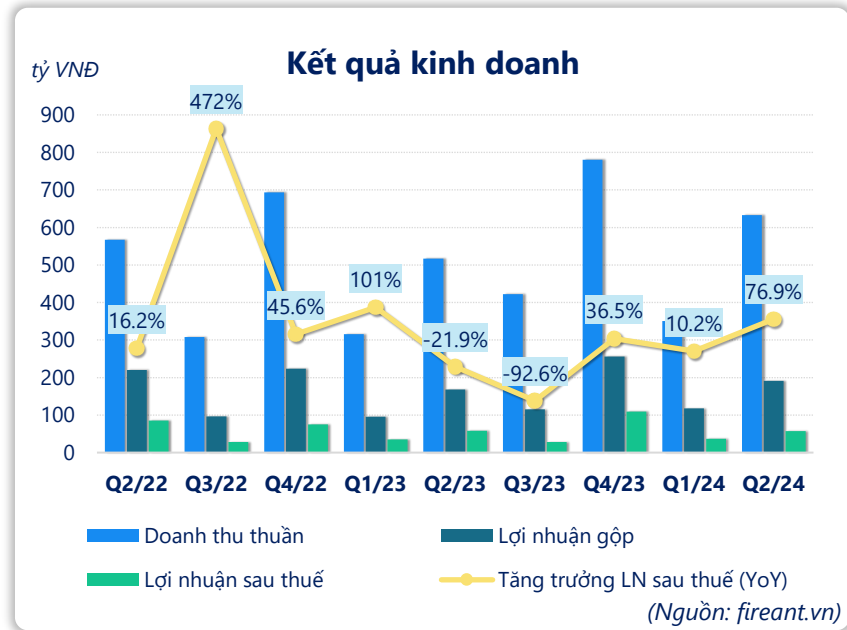


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		76,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		77,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		64,411
SL cổ phiếu LH		17,574,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,275
% sở hữu nước ngoài		7.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,343
P/E		6.0
EPS		12,715

	YTD	1T	3T	6T
NSC	13.9%	4.9%	3.7%	12.8%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,417	2,221	8.8%
Tài sản ngắn hạn	1,570	1,366	14.9%
Tiền và tương đương tiền	337	478	-29.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	60.0	-91.7%
Phải thu ngắn hạn	398	379	5.2%
Hàng tồn kho	816	438	86.2%
Tài sản ngắn hạn khác	13.8	10.8	27.6%
Tài sản dài hạn	848	855	-0.9%
Phải thu dài hạn	2.11	0	
Tài sản cố định	734	743	-1.2%
Bất động sản đầu tư	10.1	10.6	-4.2%
Tài sản dở dang	19.7	7.73	154%
Đầu tư tài chính dài hạn	26.1	26.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	38.5	38.7	-0.7%
Lợi thế thương mại	17.4	29.1	-40.1%
Nợ phải trả	1,001	775	29.2%
Nợ ngắn hạn	969	743	30.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	569	316	80.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	77.9	129	-39.5%
Nợ dài hạn	32.7	32.1	1.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,416	1,446	-2.1%
Vốn chủ sở hữu	1,416	1,446	-2.1%
Vốn điều lệ	176	176	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	517	423	781	351	633
Giá vốn hàng bán	349	307	525	233	441
Lợi nhuận gộp	168	115	256	117	191
Doanh thu HĐTC	4.17	3.45	3.90	5.36	7.21
Chi phí TC	12.4	8.58	11.5	4.55	13.4
Chi phí lãi vay	-13.7	5.90	3.82	3.43	5.67
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	48.0	39.5	73.1	35.7	63.3
Chi phí QLDN	45.8	40.8	61.6	35.6	50.3
LN thuần từ HĐKD	66.0	29.9	113	46.9	71.5
Lợi nhuận khác	0.59	0.14	13.7	-0.92	-1.10
LN trước thuế	66.6	30.1	127	46.0	70.4
Lợi nhuận sau thuế	57.7	28.4	109	36.3	56.9
LNST của CĐ cty mẹ	55.3	27.8	106	35.5	54.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.62	171	310	-358	-55.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-54.2	-169	-16.3	59.5	-8.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	122	-93.8	-5.05	101	118
Tiền đầu kỳ	204	280	190	478	282
Lưu chuyển tiền thuần	76.0	-91.9	289	-197	54.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.18	1.36	0.14	0.57	0.58
Tiền cuối kỳ	280	190	478	282	337

(Nguồn: fireant.vn)